



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # 532 562

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Đặng Hi Sinh
Last Middle First

Current Address 116/7 Sô viết Ngô gia đình Bình Thạnh Hồ Chí Minh City

Date of Birth Dec-29-1944 Place of Birth Hanoi

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position) BY

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From May 3-1975 To Nov-5-1983

3. SPONSOR'S NAME: Nguyen Thi Hong Van
Name San Diego CA 92105

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

Đặng Hi Sinh

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Văn Anh	July 26-1949	Wife
Đặng Hoàng Quang Mỹ	Dec-28-1980	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 801-QĐ.TG, ban hành theo công văn số 2845 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Trại Lọc**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **CRT**

00087822332
SHSLD

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỄN

Số **1645**

Ngày **11** tháng **11** năm **1983**
THÀNH CÔNG GIẢI CẢM XÚC

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT, ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số **99/QĐ** ngày **24** tháng **10** năm **83**

của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Đặng Hy Sinh** Sinh năm 19 **44**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Hưng Yên**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Đp 7 Hưng Diên B. Mỏ Hố. Long An

Cán tội **Đội Ủy Trưởng Ban Hành Quân**

Bị bắt ngày **03/05/1975** Án phạt **TTGT**

Theo quyết định, án văn số **99/QĐ** ngày **24** tháng **10** năm **83** của

Đã bị tạt án **lên, cộng thành** năm **1983** tháng **10**

Đã được giảm án **lên, cộng thành** năm **1983** tháng **10**

Nay về cư trú tại **209/3 Tân thất Thuyết. P3 Quận 4 TP/Hồ chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

9.91 **CNS**

ỦY BAN CHU XỬ **Quan chế 12 tháng.**

Ngày **10** tháng **1** năm **1984**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG **3**



Đặng Hy Sinh trình diện tại UBND Phường **3**

Trước ngày **12** tháng **10** năm **1983**

Lưu tay nộp trở lại

Của **Đặng Hy Sinh**

Danh hiệu

Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Đặng Hy Sinh



Ngày **10** tháng **1** năm **1983**

Giám thị

Trịnh Văn Thích

Xã Nhân: tr. Đảng Hay Sinh: Sinh năm 1944
tên: Trung Dân H.T.T. ngày 5/11/1982

Chợ gạo (AOL)
Đã đạt kỷ tài AOL
Ngày 12-83
Trần

Ngày 17/11/1983
P. et Phụng 3.



Trần

vi Hùng p. lưc



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1322 Massachusetts Avenue N.W. - Washington D.C. 20005

APPLICANT DATA

GROUP 3 - FORMER ASSOCIATES OF THE U.S.

YOUR NAME : *SINH - DANG HI*

DATE OF BIRTH : *12/29/1944*

PLACE OF BIRTH : *Ha - Noi*

LAST POSITION/RANK :

PLEASE CHECK WHERE APPLICABLE

- ☐ **FORMER EMPLOYEE OF AMERICAN FIRM OR ORGANIZATION**
☐ **FORMER SOUTHERN GOVERNMENT EMPLOYEE/SERVICEMAN.**
☐ **FORMER U.S. TRAINED /EDUCATED .**

NUMBER OF DEPENDENTS :

SIGNATURE : *[Signature]*

ADDRESS IN VIETNAM :

*116/7 Xó Việt Nghi Tỉnh Phú
Quận Bình Thạnh Thành Phố HCM*

TO BE COMPLETED BY PERSON IN VIETNAM

RETURN TO ADDRESS ABOVE

USE/ O.D.P. 3

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

QUESTIONNAIRE FOR PERSONS IN VIET NAM

(Please print or type in English only)

SECTION 1 : INFORMATION ABOUT YOU

Your name : SINH - DANG HI
 Other name you have used :
 Sex : MX F Date of birth Country of birth : HA-NOI
12/28/1944
 Your address : Number 116/7 Street : X8 Viet Nghe Tinh
hamlet
 village :
 district : Binh Thanh Province/city : HO CHI MINH
 Are you married? Yes: X No:
 Your Exit Permit Number is:

SECTION 2 : INFORMATION ABOUT RELATIVES IN THE U.S

Names of your closest relatives in the U.S:
LONG - DANG QUANG
 Other names used:
 Date of birth: Month/day/year
 Country of birth:
 The U.S address : Number: City: State:
 Zip code:
 The relationship to you is: Uncle
 The U.S telephone number (if known) is:
 When did your closest relative leave Viet Nam?
 Month: 4 day: 24 year: 1975

SECTION 3 : INFORMATION ABOUT RELATIVES YOU WANT TO GO WITH YOU TO THE UNITED STATES

List all relatives you want to go with you to the United States.

NAMES	Sex	Date of birth	Country	Relationship	Married	Exit	ADDRESS
					Yes/No	Permit	
						Number	
<u>VÂN-ANH NGUYỄN THỊ</u>	<u>M/F</u>	<u>7/26/1949</u>	<u>Thailand</u>	<u>Wife</u>			<u>116/7 X8 Viet</u>
<u>QUANG-HY DANG HOANG</u>	<u>M/F</u>	<u>12/28/1980</u>	<u>HCM</u>	<u>Son</u>			<u>Nguyen Tinh</u>
	<u>M/F</u>		<u>city</u>				<u>Quang Binh Thanh</u>
	<u>M/F</u>						<u>Th. Ph. HO CHI MINH</u>
	<u>M/F</u>						
	<u>M/F</u>						

(ODP - B 3/81)

SECTION 4 : INFORMATION ABOUT YOUR FAMILY

IMPORTANT : List all your relatives, living or dead including those you put in SECTION 3.

NAME	SEX	DATE of BIRTH	COUNTRY of BIRTH	RELATION	MARRIED	ADDRESS	IF DECEASED
				SHIP TO:			Write
				YOU			Dead

a. Your husband/Wife (living) VAN-ANH NGUYEN-THI	M / F	7/26/1949	Thái Bình	Wife	Yes / No	416/7 rd Viet Nghe Tinh	
b. Your other husband/Wife: (living or dead)	M / F				Yes/No	F# 18 Quang Binh Thanh TAP HO-Quang	
c. Your children (living or dead)	M / F				Yes/No		
QUANG-HY DANG-HOANG	M / F	12/28/1980	Hue City	SON	Yes/No	I D	
	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
d. Your parents/Living or CHIEU-DANG-QUANG	M / F				Yes/No	Dead	
CHAT-HOANG-THI	M / F				Yes/No	Dead	
e. Your brothers/sisters (living or dead)	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
	M / F				Yes/No		
f. Other relatives (living: LONG-DANG-QUANG	M / F			UNCLE	Yes/No		
VAN-NGUYEN-THI HONG	M / F			MOTHER-IN-LAW	Yes/No	4074-482 ST 2 San Diego CA 92105	

(ODP - B 3/81)

SECTION 7 : GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE BEFORE APRIL 30, 1975

IMPORTANT : If you worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese Military complete this SECTION. If an accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese Military have him/her complete this SECTION, if possible.

a/ What Ministry or military unit? 15th Airborne Battalion

b/ Date of separation: 30 /day 4 /month 1975/year. Reason for separation. Saigon liberation

c/ Give the dates, places worked, job titles or ranks and names of supervisors/superiors.

Month/Year to month/year: Places worked : Title/Rank : Name of Supervisor/Superior : Describe the work performed

1/1971	11/1974	2 nd Airborne Battalion	Captain	Le-van-Manh and
		Company	Commander	Nguyen-Tinh Ngoc
11/1974	30/4/1975	15 th Airborne Battalion	Captain S3	Nguyen-Van-Dau

d/ List any awards, commendation or medals from the U.S Government.

VICTORY medal

e/ Was time spent in re-education :

Yes : No : How long? 8 /Years 5 /months 13 /days. Still in re-education ? Yes : No :

f/ Any training in the U.S? Yes : (complete SECTION 8 also) No :

g/ Was work done closely with American?

Yes : (Give dates, names of places worked, location and describe the job relationship to the American).

No : Go to the SECTION 8)

Month/Year to	Month/Year:	Name	Places	Describe the job relationship to the American.

IMPORTANT : Please send copies of personnel documents, ID cards, training certificates, letters of commendation, job photographs, letters from supervisors or any other documents pertaining to employment by the Vietnamese Government services in the Vietnamese Military showing the relationship to the American or verifying re-education.

(ONF - B 3/81)

SECTION 8 : EDUCATION OUTSIDE VIET NAM

JUNGLE WARFARE SCHOOL CLASS 54.

SECTION 9 : COMMENTS AND REMARKS

I was a captain of 1st Battalion of Airborne Division. After Saigon liberation I lived in reeducation camp from June 1975 to Nov 1983 and recently released from the verifying reeducation. By 1973 I was wounded at Aung Mye battle by 2 pieces of exploded shell at the right eye between the iris and the white part of the eye. By 1980 by lack of medical care, liquid flows, the sore comes back, a black spot appeared and the iris began to swell bigger and bigger. The sore resumes and keeps going on the and the right diminishes, the object becomes smaller. Light now the eye is unbearable the right drops to the white looking up the left eye shows a feeling of many sharp light spots, the left ear gives a queer sound of a cricket. By last I opened an eye. The only thing we can afford is the local medicine which means that I'll lose my right eye. Now we are enduring a hard ship in our living. We strongly hope your donor to intercede as soon as possible with the appropriate authority for the requalification with our family. I affirm that all the information on the questionnaire is true and understand that any false statement could prevent us from going to the United States.

On behalf of my family, I extend to you our thanks and firmly believe that you will help us.

(ODP - B 3/81)

Very truly yours

Signature of applicant :



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN Tân Bình

XÃ Tân-Sơn-Nhi

Số hiệu 127

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

Lập ngày 15 tháng 6 năm 1973 P/13

Tên họ chồng . . .	<u>Đặng-Hi-Sinh</u>
Ngày và nơi sanh .	<u>Ngày 29-12-1944 tại Hà-Nội</u>
Tên họ cha chồng .	<u>Đặng-Quang-Triệu (o)</u>
Tên họ mẹ chồng .	<u>Hoàng-Thị-Chắt (s)</u>
Tên họ vợ	<u>Nguyễn-Thị-Văn-Anh</u>
Ngày và nơi sanh .	<u>Ngày 26-7-1949 tại Thái-Bình</u>
Tên họ cha vợ . . .	<u>Nguyễn-Đặng-Minh (s)</u>
Tên họ mẹ vợ . . .	<u>Nguyễn-Thị-Tông-Văn (s)</u>
Ngày lập hôn-thủ .	<u>Ngày 15 tháng 6 năm 1973</u>
Có lập hôn khế không .	<u>////////</u>

Số . . .
CHỨNG NHẬN GIẤNG Y BẢN CHÍNH
XUẤT TRÌNH TẠI UBND QUẬN TÂN BÌNH

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

PHÓ-VĂN-PHÒNG

TRẦN NGỌC KHÁNH

Tân-Sơn-Nhi ngày 16 tháng 6 năm 1973
Xã Tân-Sơn-Nhi Ủy-Viên Hộ-Tịch,



NGUYỄN VĂN NHƯ

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 532562

10/14/71
OFF IC = VP
RUN DATE: 10
PAGE NO.

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN THI VAN ANH

Other names used:

Sex: F DOB: (maddy) 07/26/49 COS: VN

Address in Vietnam: CHAU DE L TO

209/3 F#3 QUAN 4
116/7 SD VIET NGHE TINH PHUONG 10 QUAN BINH THANH
T.P. HO CHI MINH, VIET NAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

I Name: NGUYEN THI HONG VAN

I DOB: (maddy) 04/10/1913 COS: VIETNAM

I Address: SAN DIEGO, CA 92105

I Telephone (Home): (Business): / /

I Category: REF DPA USC

	NAME	Sex	DOB		Fol.	COS	ACCOMPANYING RELATIVES				Documentation			OTHER	
			M/F	MM			DD	YY	FA	FALCON	MC	BCT	MC		MCT
1.	NGUYEN THI VAN ANH	F	07	26	49	DA	VN								
2.	DANG MY SINH	M	12	25	44	MU	VN								
3.	DANG HOANG QUANG MY	M	12	28	50	SG	VN								
4.															
5.															
6.															
7.															
8.															
9.															
10															
11															
12															
13															
14															

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 11 Priority Date: 05/13/75 Rel-Sponsor to PA:

VEWL #:

SPV #:

JAL:

USG Enpl/Training (Cat 2):

Pvt US Enpl/Training (Cat 3-4C):

GVN/RVNAF SVC:

US Combat AND:

REF. COM:

CAT 1

PAT:

FLUP:

OTHER:

IV # 532562 120284 ODP-LOT 05
~~Ông~~ Đặng Hi-Sinh sinh ngày 29-12-44
tại Hà Nội

CHÍNH VIỆT NAM
Hành phúc

Biên số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2863 ngày 27 tháng 11
năm 1973

Nguyên Đại úy TRƯỞNG BAN HÀNH QUÂN

Bị bắt ngày 3 tháng 5, 1975

Xuất Trại 10 tháng, 1984

Con số 2 Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
4074 48th Street #2
San Diego, CA 92105

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH			
ĐÃ TRÌNH DIỄN			
Số: 1645			
Ngày 11 tháng 11 năm 1982			
PHÒNGS, GLIC C3 TTXH			

TRAI

Bộ Nội vụ

ngày 24 tháng 10 năm 83

Tr

Họ, tên khai sinh

Đặng Hy Sinh

Sinh năm 19 44

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Hưng Yên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Số 7 Hưng Diên B. Mỗ Hòa. Long An

Cán bộ

Đại úy Trưởng Ban hành Quân

Bị bắt ngày

03/05/1975

Án phạt

TTOT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tống án

Đến, công nhân

năm

tháng

Đã được giảm án

Đến, công nhân

năm

tháng

Nay về cư trú tại

209/3 Tia thất Thuyết. P3 Quận 4 TP/Hồ chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

9/21

CHÍNH

UY BAN

CHỦ

XUẤT

Quan chức 42 tháng.

Ngày 10 tháng 1 năm 1984

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3



V. NGOC LAM

Đã được giảm án, trình diện tại UBND Phường, xã

Thuyết, ngày 2 tháng 10 năm 19 83

Lưu tay ngăn trở phạt

Ch: Đặng Hy Sinh

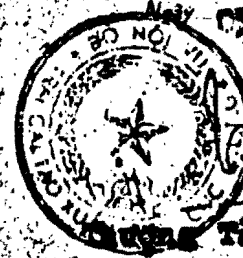
Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Danh bản thân

Lập tại

Đặng Hy Sinh



Ngày tháng năm 19 83

Giám thị

Trình văn Thúc

CONTROL

Card
Doc Request; Form
Release Order
Computer
Form 100
Date
Membership

5/30/89